

Phụ lục 4

DỰ TOÁN THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN VÀ DỊCH VỤ ĐẢM BẢO TRIỂN KHAI HỒ SƠ BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-BVTT ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Kon Tum)

STT	Tên hạng mục	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Thời gian (tháng)	Đơn giá	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
A	GIAI ĐOẠN 1 (NĂM 2025)						105.871	
I	Chi phí thuê dịch vụ vận hành						15.371	
1	Hệ thống thông tin xét nghiệm	Nhà thầu	Máy	1	1	550	2.200	Chi phí 4 tháng năm 2025
2	Hệ thống và truyền tải hình ảnh RIS	Nhà thầu	Ca chụp	30	1	4,4	528	
3	Hệ thống lưu trữ hình ảnh CLOUD PACS	Nhà thầu	Ca chụp	30	1	2	240	
4	Hệ thống Bệnh án điện tử	Nhà thầu	Lượt khám	450	1	4,12	7.416	
5	Chữ ký số	01 lần/ năm (nhà thầu)	Tài khoản	34	1	440	4.987	
II	Chi phí thiết bị						90.500	
1	Máy chủ lưu trữ EMR (Máy tính bàn thay thế)	CPU: Intel Core i5 14500 vPro - 14 nhân 20 luồng (Up to 5.0GHz) Ổ cứng: 512GB SSD Ổ quang: không có Phụ kiện: Phím & chuột OS: Windows 11 Home SL Màn hình: 23,8 inches	Cái	1		16.500	16.500	
2	Máy tính để bàn	CPU: Intel Core i5 14500 vPro - 14 nhân 20 luồng (Up to 5.0GHz) Ổ cứng: 512GB SSD Ổ quang: không có Phụ kiện: Phím & chuột OS: Windows 11 Home SL Màn hình: 23,8 inches	Cái	2		16.500	33.000	

STT	Tên hạng mục	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Thời gian (tháng)	Đơn giá	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
3	Máy Scan	Sử dụng quyết mã hoá tài liệu giấy (tốc độ 65 trang/phút, 130 ảnh/phút)	Cái	1		20.000	20.000	
4	Bảng thông báo điện tử	Loại Tivi: Smart Tivi QLED Kích cỡ màn hình: 55 inch Độ phân giải: 4K (Ultra HD) Loại màn hình: LED viền kết hợp Dual LED Hệ điều hành: Tizen Chất liệu chân đế: Kim loại Chất liệu viền tivi: Kim loại	Cái	1		21.000	21.000	
B	GIAI ĐOẠN 2 (Từ năm 2026 trở đi)						589.812	
I	Chi phí thuê dịch vụ vận hành						46.112	Chi phí đủ 12 tháng
1	Hệ thống thông tin xét nghiệm	Nhà thầu	Máy	1	1	550	6.600	
2	Hệ thống và truyền tải hình ảnh RIS	Nhà thầu	Ca chụp	30	1	4,4	1.584	
3	Hệ thống lưu trữ hình ảnh CLOUD PACS	Nhà thầu	Ca chụp	30	1	2	720	
4	Hệ thống Bệnh án điện tử	Nhà thầu	Lượt khám	450	1	4,12	22.248	
5	Chữ ký số	01 lần/ năm (nhà thầu)	Tài khoản	34	1	440	14.960	
II	Chi phí thiết bị						543.700	
1	Máy lạnh phòng máy chủ	Loại Gas lạnh R32 Loại máy Mono - loại 1 chiều (chỉ làm lạnh) Công suất làm lạnh 1,5 Hp Nguồn điện (Ph/V/Hz) 3 Pha, 380-415V, 50Hz Công suất tiêu thụ điện 2.74 kW	Cái	1		14.000	14.000	
2	Thiết bị chữa cháy	Bình chữa cháy tự động hình cầu Dragon 6kg chữa cháy tự động dập tắt nhiều dạng đám cháy khác nhau một cách hiệu quả. Phạm vi phun: 3m	Bình	1		1.000	1.000	

STT	Tên hạng mục	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Thời gian (tháng)	Đơn giá	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
3	Thiết bị báo cháy	Hệ thống bao gồm: - Tủ trung tâm báo cháy 5 kênh: 01 tủ - Đầu báo khói quang: 01 đầu báo - Đầu báo nhiệt gia tăng: 01 đầu báo	Hệ thống	1		12.500	12.500	
4	Hệ thống giám sát nhiệt độ, độ ẩm	Hệ thống giám sát nhiệt độ, độ ẩm gồm: - Tủ trung tâm - Cảm biến nhiệt độ - Cảm biến độ ẩm - Màn hình LED hiển thị nhiệt độ, độ ẩm	Hệ thống	1		15.000	15.000	
5	Hệ thống lưu điện phòng máy chủ	Bộ lưu điện Công suất: 10000VA/ 10000W Thời gian lưu tối đa: Thời gian sao lưu Ước tính thời gian chạy: 1000W (76,8 phút), 2000W (35,7 phút) 4000W (15,4 phút), 6000W (8,9 phút), 8000W (5,6 phút), 10000W (3,8 phút)	Hệ thống	1		74.000	74.000	
		Kiosk tiếp nhận / đăng ký khám: - Industrial PC System - Display Touchscreen 19" - Receipt Printer - Qrcode scanner - Camera - Idcard Reader - Speaker	Bộ	1		116.000	116.000	

STT	Tên hạng mục	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Thời gian (tháng)	Đơn giá	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
6	Hệ thống lấy số xếp hàng	Màn hình hiển thị (số xếp hàng): - SmartTV 55" - Loại Tivi: Smart Tivi QLED - Kích cỡ màn hình: 55 inch - Độ phân giải: 4K (Ultra HD) - Loại màn hình: LED viền kết hợp Dual LED, VA LCD - Hệ điều hành: Tizen™ - Chất liệu chân đế: Nhựa - Chất liệu viền tivi: Nhựa	Bộ	1		24.800	24.800	
		Màn hình hiển thị xếp hàng tại phòng khám: - Smart Tivi 32 inch, HD Ready Công nghệ hình ảnh PurColor hiển thị màu sắc nét - Giao diện hệ điều hành Tizen. - Loa hộp thông báo công suất cao 30W	Bộ	1		6.400	6.400	
7	Máy tính bảng cầm tay	- CPU: 1 GHz - RAM: 1GB - Bộ nhớ trong: 16GB/32GB/64GB	Cái	2		15.000	30.000	

STT	Tên hạng mục	Mô tả	ĐVT	Số lượng	Thời gian (tháng)	Đơn giá	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
8	Máy Xét nghiệm huyết học tự động	- Các thông số đo lường và tính toán: 22 thông số (bao gồm 3 thành phần WBC): WBC, LYM, MID, GRA, LYM%, MID%, GRA%, RBC, MCV, HCT, HGB, MCH, MCHC, PLT, MPV, RDW -SD, RDW-CV, PCT, PDW-SD, PDW-CV, P-LCR, P-LCC - Nguyên tắc đo: Phương pháp trở kháng thể tích cho WBC, RBC và PLT; Phép đo quang phổ cho HGB. - Công suất: 80 test / giờ - Hệ thống hóa chất: Chất pha loãng đẳng trương, Chất làm tan huyết, Chất làm sạch - Phương pháp lấy mẫu: Hệ thống ống hờ với rôto lấy mẫu tự động - Thể tích mẫu: 25 µl máu toàn phần, 50 µl máu pha loãng ở chế độ pha loãng trước - Đường kính khẩu độ: 70 µm (RBC / PLT), 100 µm (WBC / MIX)	Cái	1		250.000	250.000	
TỔNG CỘNG							695.683	
